

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**“NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030”**

**CTDT/16-20**

**BÁO CÁO KIẾN NGHỊ**

**ĐỀ TÀI**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ, TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG  
TRÌNH, DỰ ÁN CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ  
THỰC HIỆN Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ  
MIỀN NÚI TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY**

**Mã số: CTDT.40.18/16-20**

**Chủ nhiệm: TS. Trần Minh Hằng**

**Tổ chức chủ trì: Viện Dân tộc học**

**HÀ NỘI - 2020**

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**“NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

**VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030”**

**CTDT/16-20**

**BÁO CÁO KIẾN NGHỊ**

**ĐỀ TÀI**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ, TÁC ĐỘNG CỦA  
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CỦA CÁC TỔ CHỨC  
QUỐC TẾ THỰC HIỆN Ở VÙNG DÂN TỘC  
THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY**

Mã số: CTDT.40.18/16-20

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**



**TS. Trần Minh Hằng**

**VIỆN TRƯỞNG**



**PGS.TS. Nguyễn Văn Minh**

**HÀ NỘI - 2020**

Qua phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ năm 1990 đến nay, nhóm nghiên cứu xin nêu ra một số kiến nghị sau:

## **1. Kiến nghị đối với Quốc hội**

Về pháp lý, Quốc hội hiện là cơ quan chịu trách nhiệm cao nhất về nợ công nhưng lại tham gia rất hạn chế. Về trách nhiệm giám sát của Quốc hội, những năm qua, vai trò giám sát của Quốc hội đối với các CTDA quốc tế chưa được thực thi thường xuyên. Với nhiều vụ việc gây chấn động trong dư luận nhưng Quốc hội chưa có giám sát chuyên đề đối với những vấn đề này. Những bất cập, sai phạm trong quản lý và sử dụng ODA chưa được xử lý kịp thời, chậm được khắc phục và chưa đạt hiệu quả như mong muốn, góp phần đẩy nợ công lên sát ngưỡng mất an toàn. Vì thế, đã đến lúc Quốc hội cần tiến hành giám sát chặt chẽ quy trình quản lý và sử dụng ODA, nhất là các dự án trọng điểm, sử dụng nguồn vốn lớn, qua đó chỉ ra những hạn chế, khiếm khuyết, có biện pháp xử lý kịp thời nhằm lợi ích liên quan ở cả trong và ngoài nước. Quốc hội nên xem xét ban hành các văn bản pháp lý như Luật về hoạt động của TCPCP, trong đó có TCPCPNN, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các TCPCPNN, quy trình đăng ký, triển khai, địa bàn hoạt động và trách nhiệm dân sự của các TCPCPNN đối với Nhà nước và các cơ quan có liên quan nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của các TCPCPNN.

Vai trò của Chủ tịch nước không chỉ phê chuẩn, phê duyệt điều ước quốc tế về ODA mà còn có quyền hạn yêu cầu Chính phủ báo cáo kết quả quản lý và sử dụng vốn ODA. Trong báo cáo công tác nhiệm kỳ 2016-2021 của Chủ tịch nước trước Quốc hội ngày 24 tháng 3 năm 2021, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã thẳng thắn nhìn nhận việc Chủ tịch nước quyết định ký kết các điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước về ODA còn mang tính hình thức vì không quản lý trực tiếp, ít nắm được cụ thể tình hình quản lý, sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn ODA.

Vì vậy, cần đề cao công tác phối hợp trong giám sát quản lý và sử dụng vốn ODA giữa các bên có trách nhiệm, trong đó sự phối hợp giữa Quốc hội và Văn phòng Chủ tịch nước trong công tác giám sát có vai trò quan trọng.

## **2. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ**

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nhóm nghiên cứu xin kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ một số điểm sau:

*- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển và tạo sự cạnh tranh giữa các nhà tài trợ*

Giai đoạn 2021-2025, về cơ bản Việt Nam không còn được tiếp cận đối với các nguồn vay ưu đãi cao như IDA của WB hay ADF của ADB. Các nguồn vay mới chủ yếu là các nguồn vay ưu đãi với lãi suất gần sát với lãi suất thị trường. Đối với các khoản vay ưu đãi gần hơn với lãi suất thị trường, về cơ bản sẽ không chịu ràng buộc nhiều về hình thức đấu thầu mua sắm và các điều kiện khác. Do đó, Việt Nam cần nâng cao vị thế đàm phán của mình với các nhà tài trợ thông qua việc chủ động tìm kiếm các nguồn vốn nước ngoài mới và đưa yếu tố cạnh tranh vào quá trình lựa chọn nhà tài trợ.

*- Chủ động tích cực trong quan hệ hợp tác với các đối tác phát triển*

Phát huy lợi thế của mối quan hệ khăng khít giữa Chính phủ và nhà tài trợ trong thời gian qua để phục vụ cho các mục tiêu phát triển mới, nâng cao vị thế của Việt Nam. Mối quan hệ giữa Chính phủ và nhà tài trợ không còn giới hạn ở bên vay và bên cho vay mà cần có định hướng các hình thức quan hệ đối tác mới hơn, nhằm nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Trước mắt, Việt Nam cần thường xuyên thảo luận với các đối tác phát triển về việc tạo điều kiện cho chúng ta tiếp tục được tiếp cận các khoản vay ODA thực sự ưu đãi cho một số mục tiêu đặc biệt như giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát bệnh truyền nhiễm, an ninh toàn cầu, phát triển vùng DTTS&MN. Điều này vừa phù hợp với lợi ích của các nhà tài trợ, đồng thời cũng giúp Việt Nam tiếp cận vốn vay nước ngoài. Ngoài ra, có thể chủ động đàm phán với các nhà tài trợ song phương để sử dụng các chỉ số và lộ trình điều chỉnh chiến lược đối tác quốc gia của riêng họ nhằm hạn chế sự sụt giảm đột ngột nguồn ngoại tệ thu hút vào Việt Nam qua kênh vay vốn nước ngoài.

*- Củng cố công tác lựa chọn, thẩm định, giám sát đánh giá dự án đầu tư công, tăng cường thể chế về lựa chọn và phân bổ vốn đầu tư công*

Tập trung quản lý việc lựa chọn và quyết định về các dự án ODA do một cơ quan duy nhất ở cấp cao để cơ quan này có thể chịu trách nhiệm đảm bảo tất cả các dự án đề xuất đã được rà soát (trên nguyên tắc phải phù hợp với các chiến lược, kế hoạch phát triển quốc gia, ngành và địa phương), các nguyên tắc về quản lý ngân sách, tài khóa đều được áp dụng một cách thống nhất.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, cách thức tổ chức thực hiện cần chú ý đến những nội dung sau:

*- Về hành lang pháp lý*

Để đảm bảo nợ an toàn bền vững, các cơ quan có liên quan của Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý nhằm quản lý đồng bộ và hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, trong đó có nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế khác.

Hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý các CTDA quốc tế: Hòa hòa quy trình, thủ tục giữa Việt Nam và nhà tài trợ, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo hướng tiếp cận tới các chuẩn mực quốc tế nhằm quản lý đồng bộ và hiệu quả nguồn vốn. Các nhà tài trợ có các quy trình thủ tục cấp vốn ODA hoặc hỗ trợ đầu tư khác nhau. Điều này thường tạo nên sự khác biệt về thủ tục từ khâu chuẩn bị dự án đến khâu thẩm định, phê duyệt dự án và các quy chế về đấu thầu mua sắm, di dân, giải phóng mặt bằng và đền bù đất đai, hoa màu... Để hài hòa về quy trình, thủ tục giữa các bên liên quan, chẳng hạn sự khác biệt về chính sách ưu tiên và thủ tục, các bên cần ngồi lại với nhau để trao đổi trên tinh thần hướng tới mục tiêu chung là chất lượng và hiệu quả CTDA.

Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN với các chính sách ưu tiên của Chính phủ, cụ thể là phê duyệt kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng về “Tăng

cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS” đến năm 2025.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ/Ngành, trong đó UBND đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng các kế hoạch phát triển vùng DTTS & MN. Kịp thời khắc phục các vướng mắc, bất cập hiện nay khi áp dụng một số cơ chế, chính sách dẫn đến khó triển khai thực hiện như các vấn đề liên quan đến đất đai, đầu thầu.

Nghiên cứu, ban hành một văn bản duy nhất của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ ODA và viện trợ PCPNN (không nên tách riêng thành hai Nghị định như hiện nay). Trên cơ sở đó, các cơ quan theo chức năng được phân công sẽ xây dựng các hướng dẫn cụ thể.

*- Về cơ cấu tổ chức*

Tăng cường vai trò và đẩy mạnh hoạt động của Ban Chỉ đạo Quốc gia theo tinh thần đã được phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-Ttg ngày 23/1/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về ODA đối với các Bộ, ngành, địa phương trong việc xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án ODA.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng nguồn vốn vay và vốn viện trợ quốc tế.

Cần thiết phải có quy định rõ ràng về cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận viện trợ, phê duyệt các hoạt động của dự án viện trợ.

*- Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn các dự án vay nước ngoài*

Trong bối cảnh nguồn vốn hỗ trợ phát triển cho Việt Nam đã giảm dần và cơ chế thay đổi, nhóm nghiên cứu đề xuất một số tiêu chí quan trọng trong định hướng mới về thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA:

*Thứ nhất*, tập trung vào đầu tư cơ sở hạ tầng, khai thông những điểm nghẽn căn bản về cơ sở hạ tầng, nhất là những khu vực phát triển sản xuất vùng DTTS&MN;

*Thứ hai*, ưu tiên các dự án có hiệu ứng lan tỏa lớn, chẳng hạn như có hiệu quả mạng lưới cao hoặc tạo ra hiệu quả nhờ tích tụ, tập trung các hoạt động kinh tế;

*Thứ ba*, không sử dụng vốn vay nước ngoài cho các dự án có tỉ suất nội hoàn tài chính dương, vì những dự án này có thể để tư nhân đầu tư và không cần bao cấp từ ngân sách;

*Thứ tư*, đầu tư cho phát triển vùng DTTS&MN là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc phân bổ nguồn lực đầu tư. Đây cũng là tiêu chí mà các nhà tài trợ nước ngoài quan tâm.

Ở vùng DTTS&MN, các CTDA quốc tế cần có sự lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 và sự tham gia của UBND và Ban Dân tộc các tỉnh.



*- Mối quan hệ với các nhà tài trợ*

Mối quan hệ giữa Chính phủ với Hội nghị Nhóm tư vấn và các nhà tài trợ và vai trò của nhóm này cần phát huy hơn nữa, đây là cơ hội hàng đầu để vận động thu hút ODA vào Việt Nam.

Chính phủ cần xem xét khả năng phối hợp với các nhà tài trợ trong các khâu xác lập dự án, thẩm định và phê duyệt dự án, tiến tới áp dụng một hệ thống chuẩn mực chung về đấu thầu, mua sắm và giải ngân, giám sát theo dõi, kế toán và kiểm toán, chế độ báo cáo và đánh giá, cơ chế điều chỉnh và giải quyết những bất đồng.

Trong dài hạn, Chính phủ cần xây dựng các tiêu chuẩn hóa các hiệp định tín dụng, xây dựng các hướng dẫn và các văn kiện pháp lý liên quan để từ đó giúp hài hòa chính sách và thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý sử dụng nguồn vốn cho các CTDA đạt hiệu quả cao.

Cần đơn giản hóa thủ tục cấp phép và xin gia hạn giấy phép: Căn cứ vào Nghị định 12/2012 ND-CP ngày 01 tháng 3 năm 2012 về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài nên đơn giản hóa việc cấp mới hoặc gia hạn hoạt động đặc biệt cho các TCPCPQT đã hoạt động lâu năm ở Việt Nam và chưa hề vi phạm pháp luật. Việc gia hạn nên chỉ cần một thư xin gia hạn thêm thay vì hàng loạt các thủ tục giấy tờ hành chính khác như hiện tại.

*- Cần chuẩn bị cho chiến lược rút lui vay vốn ODA và tăng cường hợp tác, tìm kiếm nguồn hỗ trợ thay thế từ các TCPCPNN*

Để tránh tình trạng tất cả các nguồn vay ưu đãi chấm dứt đồng loạt, Chính phủ và các nhà tài trợ cần hợp tác chặt chẽ với nhau để xây dựng kế hoạch các CTDA ODA trong vòng từ 5 đến 10 năm tới, phản ánh mức dự báo về các nguồn lực và xây dựng một kế hoạch “tốt nghiệp ODA”. Việt Nam được coi là thành công trong việc huy động sự tham gia của một nhóm đa dạng các nhà cung cấp ODA. Do đó, việc duy trì tính đa dạng này vẫn cần được tiếp tục, bởi nó giúp cho việc giảm thiểu “rủi ro chấm dứt đột ngột” của các khoản ODA trên và tạo cho Chính phủ nhiều phương án thay thế hơn.

Nguồn lực cho các hoạt động của các TCPCPNN sẽ bị ảnh hưởng do một phần nguồn lực của các TCPCPNN đến từ nguồn ODA viện trợ không hoàn lại. Tuy nhiên, tác động của việc cắt giảm ODA đến viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam không quá lớn vì nguồn lực cơ bản của các TCPCPNN chủ yếu đến từ công chúng, các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư tư nhân. Do đó, việc tăng cường hợp tác quốc tế, chủ động tìm kiếm các cơ hội về các nguồn tài chính quốc tế mới cho phát triển cần được đặc biệt quan tâm.

### **3. Kiến nghị đối với Ủy ban Dân tộc**

Nghiên cứu xác định các vấn đề cơ bản, cấp bách, những vấn đề ưu tiên trong đầu tư phát triển đối với từng vùng, từng tộc người để xây dựng các đề án phát triển kinh tế - xã hội và làm cơ sở cho việc thực hiện các CTDA quốc tế ở khu vực này.

Rà soát, xem xét lồng ghép các chương trình, mục tiêu hiện có trên địa bàn vùng DTTS&MN, đề xuất phương án lồng ghép với Đề án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

Một số CTDA khi triển khai ở khu vực này, tộc người này có thể đạt hiệu quả cao, nhưng cũng mô hình đó nhưng đầu tư ở khu vực khác hoặc tộc người khác thì không mang lại hiệu quả như mong muốn. Điều kiện môi trường (tự nhiên và xã hội) và văn hóa tộc người có ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện các CTDA. Điều đó chứng tỏ, các yếu tố tộc người chưa được quan tâm đầy đủ trong việc thiết kế và thực thi các CTDA. Vì thế, các CTDA thực hiện ở vùng DTTS&MN cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng và xây dựng kế hoạch DTTS. Kế hoạch này có thể sẽ do các cơ quan phụ trách về vấn đề dân tộc thẩm tra và phê duyệt trước khi CTDA được thực thi.

#### **4. Kiến nghị đối với các Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với UBND xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, kế hoạch và phối hợp với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương phân bổ vốn đầu tư để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

Phối hợp, hỗ trợ các địa phương thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư, lập kế hoạch kêu gọi đầu tư vào những ngành, lĩnh vực ưu tiên, chú ý đến tiêu chí DTTS&MN.

Định kỳ đánh giá kết quả đầu tư và kết quả huy động các nguồn vốn viện trợ và đầu tư nước ngoài vào vùng DTTS&MN để từ đó có cơ sở hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực này.

Quán triệt các quy định mới liên quan đến vốn ODA cho các bộ, ngành và địa phương như Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công nhằm nâng cao năng lực về chuẩn bị, triển khai, lập và bố trí, giải ngân kế hoạch vốn cho các dự án sử dụng vốn ODA.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời điều phối, điều chỉnh kế hoạch năm 2020 giữa các bộ, ngành không có khả năng giải ngân hết số vốn đã giao cho các đơn vị có nhu cầu và khả năng thực hiện, giải ngân tốt hơn.

Gắn trách nhiệm với người đứng đầu các đơn vị có liên quan trong tổ chức thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn hằng năm; theo dõi sát sao tình hình và khả năng giải ngân của từng dự án trong từng tháng, kịp thời điều chuyển kế hoạch vốn từ dự án giải ngân thấp sang dự án giải ngân cao theo quy định; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch; bố trí đủ để thanh toán cho các cam kết hợp đồng đã ký với nhà thầu; ưu tiên các dự án khẩn cấp, trọng điểm, đang gặp vướng mắc do thiếu kế hoạch vốn,...

Có thông tin kịp thời về nguồn vốn để các Bộ, ngành, địa phương chủ động trong công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp, trao đổi với các nhà tài trợ nước ngoài nhằm tăng cường công tác vận động, thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, đặc biệt chú trọng vào các dự án có quy mô lớn về phát triển kinh tế-xã hội, các dự án kết nối hạ

tăng có tính chất liên vùng, có tác động lan tỏa, các dự án về ứng phó và chống biến đổi khí hậu, các khoản hỗ trợ cho việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19,...

## **5. Kiến nghị đối với Bộ Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược nợ; phê duyệt và chỉ đạo kế hoạch thực hiện các nội dung chiến lược nợ theo từng giai đoạn.

Phối hợp với UBĐT trong xây dựng nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ và vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 -2025.

Xây dựng phần mềm quản lý dễ sử dụng, hiệu quả; dễ tiếp cận đối với các cán bộ tài chính của dự án để cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan tài chính phục vụ mục tiêu quản lý. Nếu cần thiết có thể có lộ trình, trước hết áp dụng cho tất cả các dự án viện trợ ODA và viện trợ PCPNN thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Thực hiện huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ của Chính phủ; quản lý việc cấp bảo lãnh Chính phủ; hướng dẫn và theo dõi tình hình vay và trả nợ của chính quyền địa phương.

Nguồn vốn phân bổ cho các CTDA cần bố trí dứt điểm, không nên dàn trải, manh mún dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện, không hiệu quả như thời gian qua.

Giám sát vĩ mô tình trạng nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia; phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và trả nợ công, nợ nước ngoài quốc gia.

## **6. Kiến nghị đối với Ủy ban Công tác về các TCPCPNN và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam**

Tăng cường trao đổi ý kiến về các vấn đề trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan công tác PCPNN để tạo sự thống nhất trong quản lý, đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sửa đổi, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản này.

Hoàn thiện cơ sở pháp lý nhất là các văn bản, Nghị định, Thông tư hướng dẫn để công tác PCPNN vừa đảm bảo rút ngắn thủ tục quy trình, đồng thời cũng tạo được những hành lang pháp lý để TCPCPNN hoạt động theo khuôn khổ và đúng theo trọng tâm định hướng đề ra.

Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN cần củng cố thêm các cơ chế, công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức PCPNN; tiếp tục tạo điều kiện thông thoáng, công khai, minh bạch những cơ sở dữ liệu giúp các đối tác tiếp cận sâu rộng tới các địa phương, ngành nghề khác nhau ở Việt Nam, đặc biệt là vùng DTTS&MN.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan để phân loại các TCPCPNN theo nhiều tiêu chí khác như sự đóng góp vào kinh tế xã hội, khoa học công nghệ. Việc phân loại sẽ giúp các cơ quan ban ngành có thêm những thông tin phục vụ cho quá trình vận động sự hợp tác với các TCPCPNN và công tác quản lý các TCPCPNN được hiệu quả.



Tuyên truyền, quảng bá và vận động giảm bớt thủ tục hành chính sẽ khuyến khích các TCPCPNN đóng góp tích cực hơn cho Việt Nam. Đặc biệt quan tâm đến việc vận động các nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS&MN. Vận động và triển khai các CTDA thực thi ở vùng DTTS&MN cần chú ý đến đặc điểm vùng và văn hóa tộc người.

Cập nhật cơ sở dữ liệu về các tổ chức phi chính phủ và xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu; thực hiện tốt công tác kiểm tra, vận động, đối với các TCPCPNN.

Tăng cường hơn nữa công tác chia sẻ thông tin và cơ chế phối hợp liên ngành trong thẩm định, phê duyệt dự án viện trợ PCPNN, cũng như trong quản lý viện trợ và hoạt động của các TCPCPNN.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và vận động viện trợ PCPNN tại Việt Nam và công tác nghiên cứu, dự báo và xây dựng một số báo cáo chuyên đề về công tác PCPNN tại Việt Nam trong tình hình mới.

## **7. Kiến nghị đối với các Bộ/Ngành liên quan khác**

Các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư, xây dựng, mua sắm, đấu thầu... trình Chính phủ ban hành các văn bản chính sách dưới luật về quản lý chi tiêu công. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính và giải quyết nhanh chóng vướng mắc về thủ tục điều chỉnh các dự án.

Các Bộ, ngành và địa phương cần lựa chọn các dự án hiệu quả, các dự án nằm trong cân đối tổng thể đầu tư công trung hạn và nợ công trung hạn, phù hợp với khả năng vay lại của các địa phương.

Nâng cao công tác xây dựng và thiết kế, chuẩn bị dự án để tránh phải điều chỉnh dự án trong quá trình thực hiện, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Nâng cao năng lực thẩm định của các cơ quan nhằm rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án và giảm chi phí đầu tư. Tăng cường năng lực và chuyên nghiệp hóa các ban quản lý dự án.

Cần có sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các Bộ/Ngành liên quan trong việc quản lý và thực thi hiệu quả các CTDA quốc tế. Trong thực tế, đã có trường hợp nhà đầu tư của một quốc gia A nhưng nguồn vốn đến từ quốc gia B. Đầu tư có thể có mục đích chính trị, môi trường, quân sự... Vì thế, trong khâu thẩm định các CTDA cần xem xét thận trọng các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Đôi khi chúng ta mới chỉ thẩm định được các vấn đề kinh tế của các CTDA mà chưa xem xét hoặc chưa có năng lực xem xét các hiệu quả xã hội, văn hóa, môi trường, quốc phòng an ninh... Một số dự án đầu tư có nghi vấn về an ninh đã được sự tư vấn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, song không phải lúc nào cũng có đủ minh chứng. Ngoài ra, có một số mặt trái như chuyển giá, chuyển ngoại tệ và những vấn đề an ninh khác được che đậy phía sau các CTDA mà các nhà quản lý cần có đủ năng lực nhận ra. Tuy nhiên, nếu xem xét, thẩm định các CTDA không khéo léo sẽ gây khó khăn trong mối quan hệ với đối tác. Chúng ta không quá quan ngoại nhưng cần giải quyết hài hòa trong tiếp nhận đầu tư và viện trợ. Trong một số trường hợp là các thế lực thù địch sử dụng thuyết âm mưu để làm ảnh hưởng đến mối quan hệ quốc tế và kêu gọi đầu tư của Việt Nam. Vì thế, tăng cường việc thẩm tra, giám sát trong quá trình thực thi CTDA, chứ không phải chỉ phê duyệt đầu tư là xong. Điều đó đòi hỏi nâng cao năng lực của cán bộ có thẩm quyền và năng lực quản trị đất nước.

## 8. Kiến nghị đối với các nhà tài trợ

Hiện nay, Việt Nam có mối quan hệ với trên 50 nhà tài trợ song phương và đa phương, hơn 1000 TCPCPN, trong đó, khoảng 500 TCPCPN hoạt động thường xuyên tại Việt Nam. Mỗi nhà tài trợ có một cơ chế quản lý, đầu tư và chuyển giao nguồn vốn khác nhau. Chính cơ chế này đang gây trở ngại lớn cho quá trình quản lý, sử dụng nguồn vốn cho các CTDA ở Việt Nam. Để giảm thiểu chi phí chuyển giao vốn, tăng tốc độ giải ngân và hợp tác với Chính phủ Việt Nam nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn vốn, trong thời gian tới, cộng đồng các nhà tài trợ song phương, đa phương và TCPCPN nên xem xét, hoàn thiện một số vấn đề sau:

- Các nhà tài trợ khi xây dựng chiến lược hỗ trợ quốc gia nên dựa trên chính sách ưu tiên và chiến lược phát triển của Chính phủ Việt Nam.

- Ngoài các tiêu chí của tổ chức, cần chú ý đến các tiêu chí và đặc điểm của từng vùng DTTS&MN trong việc đầu tư và hỗ trợ. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, có những mô hình phát triển phù hợp ở nơi này, song chưa chắc đã phù hợp tại địa phương khác, vì phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và con người nơi đó. Chẳng hạn, mô hình phát triển nông sản hàng hóa có thể được thực hiện tốt ở một số tộc người vùng Đông Bắc của miền núi phía Bắc, song lại khó thành công ở các dân tộc tại chỗ vùng Tây Nguyên, vì người dân nơi đây chưa quen với nền kinh tế thị trường. Bởi vậy, khi chuyển mô hình tới nơi khác, cần khảo sát kỹ về khả năng thực hiện ở địa phương này và chuẩn bị kỹ lưỡng điều kiện nhân lực, vật chất, kỹ thuật kèm theo.

- Từng bước thay đổi phương thức chuyển giao vốn của các CTDA cho Việt Nam từ phương thức dự án sang phương thức chuyển giao vào ngân sách nhà nước để Chính phủ phân bổ và quyết định các khoản đầu tư.

- Xem xét giao thêm quyền hạn cho phía Việt Nam trong việc tự lựa chọn các phương thức mua sắm hàng hóa và dịch vụ phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam trong khuôn khổ các CTDA được ký kết.

- Xem xét nâng tỷ trọng viện trợ không hoàn lại trong tổng số vốn hỗ trợ phát triển chính thức để giúp Việt Nam khắc phục hậu quả thiên tai, xóa đói giảm nghèo tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trong quản lý và thực hiện các CTDA; nên giảm tỷ lệ tư vấn quốc tế, đồng thời có cơ chế khuyến khích cán bộ địa phương tham gia.

*Về thủ tục hành chính*, các tổ chức quốc tế lớn như WB, UNDP nên có sự phối hợp với Chính phủ Việt Nam để xây dựng những quy trình chuẩn để giảm những khác biệt về mặt thủ tục, tiết kiệm thời gian trong tất cả các khâu của CTDA. Các tổ chức quốc tế cũng cần tìm hiểu kỹ và nắm bắt các thủ tục cấp phép hoạt động cho các dự án của mình tại các địa phương. Một số tổ chức chưa nắm bắt quy trình thực hiện dự án viện trợ, trực tiếp làm việc và triển khai ở cộng đồng và không tuân thủ báo cáo với cấp quản lý liên quan dẫn đến những bất đồng hoặc nghi ngại của chính quyền địa phương. Các tổ chức quốc tế nên kết hợp với các TCPCP ở Việt Nam, đặc biệt là các TCPCP ở vùng DTTS trong việc vận động tài trợ, vì hiện nay các nhà tài trợ có xu thế hướng đến các TCPCP địa phương. Khi đó, các tổ chức quốc tế sẽ tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật, các TCPCP Việt Nam sẽ thực hiện các dự án liên kết.

*Về thời gian thực hiện CTDA*, một số dự án chỉ được triển khai ngắn hạn 1-2 năm và không có các chương trình phát triển dài hạn ở địa phương. Các CTDA ngắn hạn gặp

khó khăn trong việc thực thi và duy trì kết quả dự án. Vì thế, nhà tài trợ nên thực hiện các dự án ít nhất 3-5 năm để có đủ thời gian tạo ra và duy trì các thay đổi trong cộng đồng một cách bền vững.

*Về chi phí quản lý*, một số tổ chức có chi phí quản lý khá cao, chiếm tới 70% tổng kinh phí. Kinh phí quản lý phụ thuộc vào tính chất dự án. Ví dụ: nếu dự án tập trung vào cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vốn, giống sản xuất thì tỷ lệ quản lý phí thấp; nếu dự án tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật, truyền thông và xây dựng chính sách thì phí quản lý cao hơn. Tuy nhiên, các Ban quản lý dự án địa phương phản ánh rằng kinh phí hoạt động cho họ không đáng kể và phải kiêm nhiệm nhiều việc, chưa phù hợp với lượng công việc họ phải triển khai.

## **9. Đối với các địa phương và đối tượng thụ hưởng**

Ủy ban nhân dân các tỉnh và các cơ quan địa phương có trách nhiệm quản lý nợ, lập kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm, xây dựng danh mục dự án đầu tư dự kiến sử dụng vốn vay thuộc cấp tỉnh theo quy định của Luật quản lý nợ công; cung cấp các thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền cho Bộ Tài chính và các cơ quan kiểm tra, giám sát khác có liên quan về tình hình huy động, sử dụng vốn vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

*Tăng cường sự tham gia và giám sát của cộng đồng tại nơi thực hiện dự án:* Để nâng cao hiệu quả của việc thực hiện các CTDA quốc tế, cần có sự tham gia và giám sát của người thụ hưởng CTDA trong quá trình xây dựng và thực thi các CTDA. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn một bộ phận người dân đánh giá CTDA còn thiếu phù hợp với họ khi chưa phù hợp về điều kiện thực tiễn tại địa phương hay phù hợp với trình độ của hộ gia đình. Theo đó, để nâng cao hiệu quả CTDA, cần nâng cao chất lượng của các báo cáo tiền khả thi khi thực hiện CTDA. Tiến hành khảo sát, điều tra các khó khăn, vướng mắc các CTDA tương tự trước đó, tham khảo nguyện vọng và ý kiến của người dân.

*Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện dự án:* xây dựng mạng lưới cộng tác viên cộng đồng, giao tiếp và làm việc trực tiếp với người dân và hỗ trợ người dân trong suốt quá trình thực hiện dự án.

*Cần có sự tham gia của doanh nghiệp địa phương vào các CTDA quốc tế:* Các CTDA quốc tế hiện tại mới chỉ dừng ở mức hỗ trợ ban đầu mà không tạo ra một chuỗi giá trị cho người nông dân do đó tính bền vững của các CTDA bị hạn chế. Theo đó, việc tham gia của các doanh nghiệp địa phương sẽ là cách tốt tạo ra thị trường cho người nông dân một cách bền vững hoặc tạo ra việc làm ổn định cho người dân mà không phải là sau khi kết thúc CTDA thì các hỗ trợ cũng kết thúc. Do đó, cần tham khảo, khảo sát nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp tại địa phương, kết nối cơ hội việc làm cho người dân trong quá trình xây dựng CTDA. Các CTDA quốc tế có thể đóng vai trò trung gian trong quá trình kết nối người dân với doanh nghiệp địa phương trong hoạt động sản xuất, việc làm và thị trường tiêu thụ sản phẩm.